

Số: 443 /QĐ-UBND

An Thành, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2025
cho Ủy ban nhân dân xã An Thành sau sắp xếp**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính: số 4205/BTC-NSNN ngày 02/4/2025; số 8911/BTC-NSNN ngày 20/6/2025 về hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, NSNN khi tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQDP 02 cấp;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của UBND thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị thành phố Hải phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/08/2025 của Hội đồng nhân dân xã An Thành về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025, Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/08/2025 của Hội đồng nhân dân xã An Thành về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 xã An Thành sau sắp xếp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 25/TTr-KT ngày 12 tháng 8 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho Ủy ban nhân dân xã An Thành.

(Theo các biểu chi tiết đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

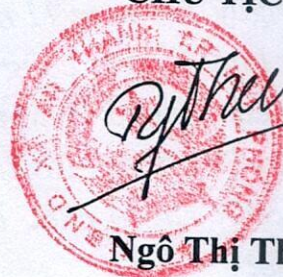
Điều 3. Chánh Văn phòng Đảng ủy xã; Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng các phòng: Kinh tế, Văn hóa - xã hội; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Giám đốc Trung tâm Văn hóa, thể thao và truyền thông xã, Hiệu trưởng các nhà trường Trung học cơ sở, Tiểu học và Mầm non trên địa bàn xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Trưởng phòng Giao dịch số 9-Kho bạc Nhà nước khu vực III tổ chức thực hiện Quyết định này. /m/

Nơi nhận:

- UBND TP;
- Lãnh đạo UBND TP;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Các ban HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT.

Wet

**T.M ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ngô Thị Thu

UBND XÃ AN THÀNH

Biểu số 103/CKTC - NSNN



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán trình Hội Đồng Nhân Dân)

(Kèm theo Quyết định số 443 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của UBND xã An Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
TỔNG SỐ THU	120.030	TỔNG SỐ CHI	120.030
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.669	I. Chi đầu tư phát triển	7.500
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	8.394	II. Chi thường xuyên	107.274
III. Thu bổ sung	109.967	III. Dự phòng, tiết kiệm	5.256
- Bổ sung cân đối	109.967		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán trình Hội Đồng Nhân Dân)

(Kèm theo Quyết định số 443 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của UBND xã An Thành)

Biểu số 104/CKTC - NSNN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung thu	THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025		Dự toán năm 2025		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG SỐ THU	68.677	44.676	162.754	120.030	237%	269%
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	747	747	484	484	65%	65%
	Phí, lệ phí	34	34	89	89	262%	262%
	Thu quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	282	282	265	265	94%	94%
	Đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân	205	205			0%	0%
	Thu phạt + Thu khác	226	226	130	130	58%	58%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	21.914	4.920	52.303	9.579	239%	195%
1	Các khoản thu phân chia	2.088	1.946	2.303	2.079	110%	107%
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	60	60	395	395	658%	658%
	Lệ phí môn bài	30	30		0	0%	0%
	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.289	1.289	790	790	61%	61%
	Thuế thu nhập cá nhân 80%	271	217	429	343	158%	158%
	Thuế GTGT 80%; Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	438	350	689	551	157%	157%
2	Các khoản phân chia khác do cấp tỉnh quy định	19.827	2.974	50.000	7.500	252%	252%
	Thu tiền sử dụng đất	19.827	2.974	50.000	7.500	252%	252%
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn		3.530				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		0				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	46.016	35.479	109.967	109.967	239%	310%
	- Bổ sung cân đối	22.604	12.785	109.967	109.967	486%	860%
	- Bổ sung có mục tiêu	23.412	22.694			0%	0%



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Dự toán trình Hội Đồng Nhân Dân)

(Kèm theo Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của UBND xã An Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025			Dự toán năm 2025			So sánh (%)		
		TỔNG CỘNG	ĐẦU TƯ PT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG CỘNG	ĐẦU TƯ PT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG CỘNG	ĐẦU TƯ PT	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	39.064	22.259	16.805	120.030	7.500	112.530	307,27	33,69	669,62
I	Chi thường xuyên:	39.064	22.259	16.805	120.030	7.500	112.530	307,27	33,69	669,62
1	Chi giáo dục	6.465	6.463	2	70.051		70.051	1084%	0%	3502550%
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0			0		-			
3	Chi y tế	0			178		178			
4	Chi văn hóa thông tin, truyền thanh	190		190	514		514	271%		271%
5	Chi thể dục thể thao	37		37	212		212	573%		573%
6	Chi bảo vệ môi trường	54		54	1.438		1.438	2663%		2663%
7	Chi các hoạt động kinh tế	5.245	3.347	1.898	1.046		1.046	20%	0%	55%
8	Chi hoạt động QLNN, Đảng, đoàn thể, An ninh, quân sự	23.832	10.467	13.365	35.428	7.500	27.928	149%	72%	209%
9	Chi công tác xã hội	3.241	1.982	1.259	5.717		5.717	176%	0%	454%
10	Chi hỗ trợ các hiệp Hội khác	0			0		0			
11	Chi dự phòng				5.256		5.256			
12	Tiết kiệm 10% TX				190		190			



DỰ TOÁN CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2025
(Dự toán trình Hội Đồng Nhân Dân)

(Kèm theo Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của UBND xã An Thành)

Đơn vị: triệ

Đơn vị: triệ

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt		Còn nợ đến 31/12/2024	Giá trị thanh toán đến 30/06/2025	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025					
			Tổng số	Trong đó, nguồn đóng góp của dân			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Bao gồm				Trong đó: Thanh toán nợ XDCB
								ngân sách TW	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	ngân sách xã	Vốn khác	
	TỔNG CỘNG		127.992	-	22.336	16.596	32.040	-	14.357	15.444	2.239	3.554
I	Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2024 trở về trước		87.865	-	19.349	15.853	19.407	-	14.357	3.554	1.496	3.554
1	Cải tạo nhà 1 tầng 4 phòng trường mầm non xã Kim Tân	2019-2019	966		949	834	949		834	115		115
2	XD nhà 1 tầng 5 phòng học trường Mầm non Hải Ninh	2018-2018	5.257		74		74			74		74
3	Cải tạo sân vườn nhà văn hóa thôn Hải Ninh, xã Kim Tân	2019-2019	344		321	276	321		276	45		45
4	Cải tạo nhà văn hóa thôn Viên Chử, xã Kim Tân; Hạng mục: tôn nền sân, nhà để xe, nhà văn hóa, cổng tường rào, nhà vệ sinh	2019-2019	530		521	454	521		454	67		67
5	Cải tạo+ sửa chữa hội trường trung tâm xã Kim Tân	2019-2019	938		922	799	922		799	123		123
6	Nhà nhạc họa và lán tôn trường mầm non Kim Tân	2019-2019	315		310	270	310		270	40		40
7	Sửa chữa, cải tạo cổng, hàng rào, rãnh thoát nước UBND xã Kim Tân	2019-2019	1.017		1.006	884	1.006		884	122		122
8	Xây dựng nhà vệ sinh UBND xã Kim Tân	2020-2020	528		522	459	522		459	63		63
9	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ	2018-2018	1.062		446	389	446		389	57		57
10	Cổng nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Tân	2022-2022	321		280		280			280		280
11	San lấp và xây mới cổng, hàng rào nghĩa trang liệt sỹ	2018-2018	950		852	631	852		631	221		221



STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt		Còn nợ đến 31/12/2024	Giá trị thanh toán đến 30/06/2025	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025					
			Tổng số	Trong đó, nguồn đóng góp của dân			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Bao gồm				Trong đó: Thanh toán nợ XDCB
								ngân sách TW	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	ngân sách xã	Vốn khác	
12	Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Tân. Hạng mục: Sân vườn, kỳ đài, nhà bia, cột cờ, mô liệt sỹ	2020-2021	4.682		2.030	1.971	2.030		1.971	59		59
13	Các hạng mục phụ trợ trường mầm non xã kim tân. Công trình: Nhà vòm, khu thực nghiệm	2019-2019	1.085		446	321	446		321	125		125
14	Cải tạo sân vườn trường Tiểu học Kim Tân	2024-2024	547		44		44			44		44
15	Trường tiểu học Kim Tân, huyện Kim Thành; hạng mục: Nhà bếp ăn, nghỉ bán trú 2 tầng	2022-2023	3.992		378	244	378		244	134		134
16	Trường tiểu học Kim Tân, huyện Kim Thành; Hạng mục: Nhà Đa Năng	2022-2023	4.615		884	546	884		546	338		338
17	Trụ sở làm việc Công an xã Kim Tân, huyện Kim Thành	2023-2024	6.229		1.818	1.525	1.818		1.525	293		293
18	Trường Tiểu học Kim Tân, hạng mục: Bể bơi và nhà thay đồ	2022-2022	3.374		100	100	100		100			
19	Cải tạo cổng, tường rào trường THCS Kim Tân	2021-2022	500		214	214	214		214			
20	Xây dựng kê mương giáp diêm dân cư mới thôn Thiên Đông và mở rộng cầu vào trường THCS Kim Tân	2021-2022	483		307	307	307		307			
21	Xây dựng kê đường vào trạm y tế xã Kim Tân	2023-2023	500		434	434	434		434			
22	Tuyến đường nội đồng từ đường nhựa đến nghĩa trang thôn Viên Chừ, xã Kim Tân	2020-2021	1.699		218	218	218		218			
23	Tư vấn Khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư số 1 – thôn Viên Chừ, xã Kim Tân, huyện Kim Thành	2024-2024	186		186		186			186		186
24	Tư vấn Khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư số 2 – thôn Viên Chừ, xã Kim Tân, huyện Kim Thành	2024-2024	186		186		186			186		186
25	Tư vấn Khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư số 3 – thôn Viên Chừ, xã Kim Tân, huyện Kim Thành	2024-2024	190		190		190			190		190

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt		Còn nợ đến 31/12/2024	Giá trị thanh toán đến 30/06/2025	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025					
			Tổng số	Trong đó, nguồn đóng góp của dân			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Bao gồm				Trong đó: Thanh toán nợ XDCB
								ngân sách TW	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	ngân sách xã	Vốn khác	
26	Tư vấn Khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư số 4 – thôn Viên Chử, xã Kim Tân, huyện Kim Thành	2024-2024	190		190		190			190		190
27	Tư vấn Khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư số 5 – thôn Hải Ninh, xã Kim Tân, huyện Kim Thành	2024-2024	191		191		191			191		191
28	NLH 2 tầng 10 phòng trường Tiểu học Kim Đính	2020-2021	5.107		351		351			351		351
29	Nhà hiệu bộ trường Tiểu học Kim Đính	2019-2020	4.770		33		33			33		33
30	Trụ sở công an xã Kim Đính	2023-2024	6.140		1.717	1.748	1.775		1.700	27	48	27
31	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Đính	2019-2020	1.957		11	11	11				11	
32	NLH 2 tầng 10 phòng móng 3 tầng trường Tiểu học trung tâm xã Ngũ Phúc	2021-2022	8.024		376	376	376				376	
33	Nâng tầng 3 NLH 2 tầng 10 phòng móng 3 tầng trường Tiểu học trung tâm xã Ngũ Phúc	2023-2024	3.425		731	731	731		422		309	
34	Xây dựng đường GT nội đồng đoạn từ Giếng Lợ Chiềng Ngai xã Ngũ Phúc	2023-2024	1.130		130	130	130				130	
35	Nâng cấp mở rộng đường giao thông nông thôn thôn Dưỡng Mông xã Ngũ Phúc (đoạn từ nhà ông Thi đến nhà ông Nhẫn)	2024-2024	388		388	388	388				388	
36	XD đường giao thông nội đồng từ đội 18 đến bãi cao thôn Bằng Lai xã Ngũ Phúc	2023-2023	5.641		9	9	9				9	
37	Xây dựng đường giao thông nội đồng khu vực độc sâu thôn Dưỡng Mông xã Ngũ Phúc	2023-2023	392		63	63	63				63	
38	Xây dựng trụ sở công an xã Ngũ Phúc	2023-2024	6.522		1.138	1.138	1.138		976		162	
39	Nhà làm việc một cửa, nhà xe, nhà vệ sinh và sân bê tông trụ sở UBND xã Ngũ Phúc	2023-2023	3.492		383	383	383		383			
II	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025		27.397	-	2.987	743	5.133	-	-	4.390	743	-

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt		Còn nợ đến 31/12/2024	Giá trị thanh toán đến 30/06/2025	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025					
			Tổng số	Trong đó, nguồn đóng góp của dân			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Bao gồm				Trong đó: Thanh toán nợ XDCB
								ngân sách TW	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	ngân sách xã	Vốn khác	
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thiên Đông, xã Kim Tân	2024-2025	1.840		670	204	674			470	204	
2	Xây dựng tuyến đường trục xã (từ QL 17B đến ngã tư đội 18), xã Kim Đính	2024-2025	5.903		956	536	1.036			500	536	
3	Đường giao thông nội đồng Sông Mới, xã Kim Đính	2024-2025	1.034		65	3	68			65	3	
4	Trạm y tế xã Kim Đính	2024-2025	6.425		555		350			350		
5	NLH 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Kim Đính	2024-2025	8.945		741		500			500		
6	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Cổng Dừa xã Kim Tân	2024-2025	585				468			468		
7	Cải tạo cổng và đường vào trường Tiểu học Kim Tân	2024-2025	450				274			274		
8	Nâng cấp cải tạo đường giao thông nội đồng thôn Hải Ninh, xã Kim Tân (đoạn từ đường xóm ra đến khu trang trại ông Khoái)	2024-2025	486				386			386		
9	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội đồng thôn Thiên Xuân, xã Kim Tân (đoạn từ khu tân đồng ra đến khu chăn nuôi)	2024-2025	484				380			380		
10	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội đồng số 7, xã Kim Tân (đoạn từ ruộng ông Nhả đến giáp xóm 8)	2024-2025	485				380			380		
11	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội đồng số 7, xã Kim Tân (đoạn từ ruộng ông Trung đến giáp xóm 8)	2024-2025	493				350			350		
12	Lập nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới thôn Hải Ninh, tại xã Kim Tân	2024-2025	267				267			267		
III	Dự án khởi công mới năm 2025		12.730	-	-	-	7.500	-	-	7.500	-	-
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 05 thôn Hải Ninh, xã Kim Tân	2025-2025	7.339				2.402			2.402		

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt		Còn nợ đến 31/12/2024	Giá trị thanh toán đến 30/06/2025	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025					
			Tổng số	Trong đó, nguồn đóng góp của dân			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Bao gồm				Trong đó: Thanh toán nợ XDCB
								ngân sách TW	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	ngân sách xã	Vốn khác	
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 04 thôn Viên Chữ, xã Kim Tân	2025-2025	2.115				1.988			1.988		
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 03 thôn Viên Chữ, xã Kim Tân	2025-2025	2.445				2.299			2.299		
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 2 thôn Viên Chữ, xã Kim Tân	2025-2025	331				311			311		
8	Điều chỉnh quy hoạch cục bộ 3 xã, Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư NTM	2025-2025	500				500			500		

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của UBND xã An Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
TỔNG SỐ THU	120.030	TỔNG SỐ CHI	120.030
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.669	I. Chi đầu tư phát triển	7.500
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	8.394	II. Chi thường xuyên	107.274
III. Thu bổ sung	109.967	III. Dự phòng	5.256
- Bổ sung cân đối	109.967		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của UBND xã An Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	TỔNG SỐ THU	162.754	120.030
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	484	484
	Phí, lệ phí	89	89
	Thu quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	265	265
	Thu khác	130	130
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	52.303	9.579
1	Các khoản thu phân chia	2.303	2.079
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	395	395
	Lệ phí trước bạ nhà đất	790	790
	Thuế thu nhập cá nhân 80%	429	343
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	689	551
2	Các khoản phân chia khác do cấp tỉnh quy định	50.000	7.500
	Đấu giá quyền sử dụng đất	50.000	7.500
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	109.967	109.967
	- Bổ sung cân đối	109.967	109.967
	- Bổ sung có mục tiêu		



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của UBND xã An Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG CỘNG	ĐẦU TƯ PT	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	120.030	7.500	112.530
	<u>Trong đó:</u>			
1	Chi giáo dục	70.051		70.051
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		0
3	Chi y tế	178		178
4	Chi văn hóa thông tin, truyền thanh	514		514
5	Chi thể dục thể thao	212		212
6	Chi bảo vệ môi trường	1.438		1.438
7	Chi các hoạt động kinh tế	1.046		1.046
8	Chi hoạt động QLNN, Đảng, đoàn thể, An ninh, quân sự	35.428	7.500	27.928
9	Chi công tác xã hội	5.717		5.717
10	Chi hỗ trợ các hiệp Hội khác	0		0
11	Tiết kiệm 10% TX	190		190
12	Dự phòng ngân sách xã	5.256		5.256

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của UBND xã An Thành)

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt		Còn nợ đến 31/12/2024	Giá trị thanh toán đến 30/06/2025	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	ngân sách TW	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	Bao gồm		Trong đó: Thanh toán nợ XDCB
			Tổng số	Trong đó, nguồn đóng góp của dân										ngân sách xã	Vốn khác	
	TỔNG CỘNG		127.992	-	22.336	16.596	32.040	-	14.357	15.444	2.239	3.554				3.554
I	Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2024 trở về trước		87.865	-	19.349	15.853	19.407	-	14.357	3.554	1.496	3.554				3.554
1	Cải tạo nhà 1 tầng 4 phòng trường mầm non xã Kim Tân	2019-2019	966		949	834	949		834	115		115				115
2	XD nhà 1 tầng 5 phòng học trường Mầm non Hải Ninh	2018-2018	5.257		74		74			74		74				74
3	Cải tạo sân vườn nhà văn hóa thôn Hải Ninh, xã Kim Tân	2019-2019	344		321	276	321		276	45		45				45
4	Cải tạo nhà văn hóa thôn Viên Chừ, xã Kim Tân; Hạng mục: tôn nền sân, nhà để xe, nhà văn hóa, cổng tường rào, nhà vệ sinh	2019-2019	530		521	454	521		454	67		67				67
5	Cải tạo+ sửa chữa hội trường trung tâm xã Kim Tân	2019-2019	938		922	799	922		799	123		123				123
6	Nhà nhạc họa và lân tôn trường mầm non Kim Tân	2019-2019	315		310	270	310		270	40		40				40
7	Sửa chữa, cải tạo cổng, hàng rào, rãnh thoát nước UBND xã Kim Tân	2019-2019	1.017		1.006	884	1.006		884	122		122				122
8	Xây dựng nhà vệ sinh UBND xã Kim Tân	2020-2020	528		522	459	522		459	63		63				63
9	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ	2018-2018	1.062		446	389	446		389	57		57				57
10	Cổng nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Tân	2022-2022	321		280		280			280						280

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt		Còn nợ đến 31/12/2024	Giá trị thanh toán đến 30/06/2025	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025					
			Tổng số	Trong đó, nguồn đóng góp của dân			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Bao gồm				Trong đó: Thanh toán nợ XDCB
								ngân sách TW	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	ngân sách xã	Vốn khác	
11	San lấp và xây mới công, hàng rào nghĩa trang liệt sỹ	2018-2018	950		852	631	852		631	221	221	
12	Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Tân. Hạng mục: Sân vườn, kỳ đài, nhà bia, cột cờ, mộ liệt sỹ	2020-2021	4.682		2.030	1.971	2.030		1.971	59	59	
13	Các hạng mục phụ trợ trường mầm non xã kim tân. Công trình: Nhà vòm, khu thực nghiệm	2019-2019	1.085		446	321	446		321	125	125	
14	Cải tạo sân vườn trường Tiểu học Kim Tân	2024-2024	547		44		44			44	44	
15	Trường tiểu học Kim Tân, huyện Kim Thành; hạng mục: Nhà bếp ăn, nghỉ bán trú 2 tầng	2022-2023	3.992		378	244	378		244	134	134	
16	Trường tiểu học Kim Tân, huyện Kim Thành; Hạng mục: Nhà Đa Năng	2022-2023	4.615		884	546	884		546	338	338	
17	Trụ sở làm việc Công an xã Kim Tân, huyện Kim Thành	2023-2024	6.229		1.818	1.525	1.818		1.525	293	293	
18	Trường Tiểu học Kim Tân, hạng mục: Bể bơi và nhà thay đồ	2022-2022	3.374		100	100	100		100			
19	Cải tạo cổng, tường rào trường THCS Kim Tân	2021-2022	500		214	214	214		214			
20	Xây dựng kè mương giáp điểm dân cư mới thôn Thiên Đông và mở rộng cầu vào trường THCS Kim Tân	2021-2022	483		307	307	307		307			
21	Xây dựng kè đường vào trạm y tế xã Kim Tân	2023-2023	500		434	434	434		434			
22	Tuyến đường nội đồng từ đường nhựa đến nghĩa trang thôn Viên Chữ, xã Kim Tân	2020-2021	1.699		218	218	218		218			
23	Tư vấn Khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư số 1 – thôn Viên Chữ, xã Kim Tân, huyện Kim Thành	2024-2024	186		186		186			186	186	
24	Tư vấn Khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư số 2 – thôn Viên Chữ, xã Kim Tân, huyện Kim Thành	2024-2024	186		186		186			186	186	

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt		Còn nợ đến 31/12/2024	Giá trị thanh toán đến 30/06/2025	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025					
			Tổng số	Trong đó, nguồn đóng góp của dân			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Bao gồm				Trong đó: Thanh toán nợ XDCB
								ngân sách TW	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	ngân sách xã	Vốn khác	
25	Tư vấn Khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư số 3 – thôn Viên Chừ, xã Kim Tân, huyện Kim Thành	2024-2024	190		190		190			190		190
26	Tư vấn Khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư số 4 – thôn Viên Chừ, xã Kim Tân, huyện Kim Thành	2024-2024	190		190		190			190		190
27	Tư vấn Khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư số 5 – thôn Hải Ninh, xã Kim Tân, huyện Kim Thành	2024-2024	191		191		191			191		191
28	NLH 2 tầng 10 phòng trường Tiểu học Kim Đính	2020-2021	5.107		351		351			351		351
29	Nhà hiệu bộ trường Tiểu học Kim Đính	2019-2020	4.770		33		33			33		33
30	Trụ sở công an xã Kim Đính	2023-2024	6.140		1.717	1.748	1.775		1.700	27	48	27
31	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Đính	2019-2020	1.957		11	11	11				11	
32	NLH 2 tầng 10 phòng móng 3 tầng trường Tiểu học trung tâm xã Ngũ Phúc	2021-2022	8.024		376	376	376				376	
33	Nâng tầng 3 NLH 2 tầng 10 phòng móng 3 tầng trường Tiểu học trung tâm xã Ngũ Phúc	2023-2024	3.425		731	731	731		422		309	
34	Xây dựng đường GT nội đồng đoạn từ Giếng Lợ Chiềng Ngai xã Ngũ Phúc	2023-2024	1.130		130	130	130				130	
35	Nâng cấp mở rộng đường giao thông nông thôn thôn Dưỡng Mông xã Ngũ Phúc (đoạn từ nhà ông Thi đến nhà ông Nhẫn)	2024-2024	388		388	388	388				388	
36	XD đường giao thông nội đồng từ đội 18 đến bãi cao thôn Bằng Lai xã Ngũ Phúc	2023-2023	5.641		9	9	9				9	
37	Xây dựng đường giao thông nội đồng khu vực độc sâu thôn Dưỡng Mông xã Ngũ Phúc	2023-2023	392		63	63	63				63	

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt		Còn nợ đến 31/12/2024	Giá trị thanh toán đến 30/06/2025	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025					
			Tổng số	Trong đó, nguồn đóng góp của dân			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Bao gồm				Trong đó: Thanh toán nợ XDCB
								ngân sách TW	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	ngân sách xã	Vốn khác	
38	Xây dựng trụ sở công an xã Ngũ Phúc	2023-2024	6.522		1.138	1.138	1.138		976		162	
39	Nhà làm việc một cửa, nhà xe, nhà vệ sinh và sân bê tông trụ sở UBND xã Ngũ Phúc	2023-2023	3.492		383	383	383		383			
II	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025		27.397	-	2.987	743	5.133	-	-	4.390	743	-
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thiên Đông, xã Kim Tân	2024-2025	1.840		670	204	674			470	204	
2	Xây dựng tuyến đường trục xã (từ QL 17B đến ngã tư đội 18), xã Kim Đính	2024-2025	5.903		956	536	1.036			500	536	
3	Đường giao thông nội đồng Sông Mới, xã Kim Đính	2024-2025	1.034		65	3	68			65	3	
4	Trạm y tế xã Kim Đính	2024-2025	6.425		555		350			350		
5	NLH 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Kim Đính	2024-2025	8.945		741		500			500		
6	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Cống Dừa xã Kim Tân	2024-2025	585				468			468		
7	Cải tạo cổng và đường vào trường Tiểu học Kim Tân	2024-2025	450				274			274		
8	Nâng cấp cải tạo đường giao thông nội đồng thôn Hải Ninh, xã Kim Tân (đoạn từ đường xóm ra đến khu trang trại ông Khoái)	2024-2025	486				386			386		
9	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội đồng thôn Thiên Xuân, xã Kim Tân (đoạn từ khu tân đồng ra đến khu chăn nuôi)	2024-2025	484				380			380		
10	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội đồng số 7, xã Kim Tân (đoạn từ ruộng ông Nhã đến giáp xóm 8)	2024-2025	485				380			380		

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt		Còn nợ đến 31/12/2024	Giá trị thanh toán đến 30/06/2025	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025					
			Tổng số	Trong đó, nguồn đóng góp của dân			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Bao gồm				Trong đó: Thanh toán nợ XDCB
								ngân sách TW	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	ngân sách xã	Vốn khác	
11	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội đồng số 7, xã Kim Tân (đoạn từ ruộng ông Trung đến giáp xóm 8)	2024-2025	493				350			350		
12	Lập nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới thôn Hải Ninh, tại xã Kim Tân	2024-2025	267				267			267		
III	Dự án khởi công mới năm 2025		12.730	-	-	-	7.500	-	-	7.500	-	-
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 05 thôn Hải Ninh, xã Kim Tân	2025-2025	7.339				2.402			2.402		
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 04 thôn Viên Chừ, xã Kim Tân	2025-2025	2.115				1.988			1.988		
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 03 thôn Viên Chừ, xã Kim Tân	2025-2025	2.445				2.299			2.299		
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 2 thôn Viên Chừ, xã Kim Tân	2025-2025	331				311			311		
8	Điều chỉnh quy hoạch cục bộ 3 xã, Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư NTM	2025-2025	500				500			500		